TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Bản án số: 03 */2020/* DSST-HNGĐ Ngày: 08 / 01 */2020* V/v " Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Tạ Thị Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trịnh Đình Hồng; Bà Đặng Thị Thỏa.
- *Thư ký phiên toà*: Bà Lại Thị Diệu Thúy - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bỉm sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm sơn: Bà Lại Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng *01* năm *2020*, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số *127/2019* /TLST- DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp " *Ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31 /QĐXX-HNGĐ ngày 16 / 12 /2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Bùi Thị T sinh năm 1984**
Địa chỉ: Thôn T , xã T , huyện T , tỉnh T (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** sinh năm 1977
Nơi ĐKNKTT : Khu phố 8, phường B , thị xã B, tỉnh T.
Hiện tạm giam tại: Công an thị xã B
(anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 / 09/2019, bản tự khai ngày 04 tháng 10 năm 2019 , quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND phường B , thị xã B . Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì chị phát hiện anh nghiện chất ma túy. Anh T đã đi chấp hành án nhưng anh dấu chị. Chị không biết anh nghiện chất ma túy khi về chung sống chị mới biết anh nghiện chất ma túy đã có lần anh lấy trộm tiền của chị và không có trách nhiệm gì với chị cả. Chị và anh T đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần tài sản: Chị và anh T không có tài sản chung với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 11 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Văn Tùng khai nhận: Về điều kiện kết hôn anh T khai với Tòa án giống như chị T đã khai. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng theo anh T khai do bất đồng quan điểm sống, anh không quan tâm và chia sẻ với chị T trong cuộc sông nên anh cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T

Về phần con chung và tài sản chung: anh và chị T không có tài sản chung và con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký phiên tòa, hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án đã tuân theo quy định pháp luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị Bùi Thị T xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Phần con chung và tài sản chung: hai bên không có con chung và không có tài sản chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Việc chị Bùi Thị T có đơn ly hôn anh Nguyễn Văn T được quy định tại khoản 1 điều 28 của BLTT dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung : Xét nội dung xin được ly hôn của chị Bùi Thị T hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND phường B thị xã B vào năm 2011. Như vậy , đây là hôn nhân được pháp luật công nhận.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng qua lời khai của hai bên đương sự thể hiện nguyên nhân gây mâu thuẫn vợ chồng là do anh T sa vào con đường nghiện chất ma túy, không quan tâm đến vợ. Vợ chồng đã ly thân nhau trong một thời gian dài nên cuộc sống không có hạnh phúc. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T . Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4].Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1.áp dụng: khoản 1 điều 28; khoản 4 điều 147 BLTTDS; khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH và mục 1.1phần A danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH .

2.Tuyên xử:

1.-Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T . Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T .

Về con chung và tài sản chung: Chị T và anh T không có con chung và cũng không có tài sản chung nên không xét.

3.Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ đi số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại chi cục thi hành án Dân sự B theo biên lai thu số 0000996 ngày 30 tháng 9 năm 2019 của chi cục thi hành án Dân sự B . Như vậy chị T đã thi hành xong khoản án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/01/2020). Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND TX Bỉm sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
-UBND phường Bắc sơn (nơi ĐKKH)
- THADS thị xã Bỉm sơn
-Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HƯƠNG